TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/DS-ST
Ngày: 15/4/2025
V/v: "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Liễu

2. Bà Phan Thị Lan Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thế Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 239/2024/TB-TLVA ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc " *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng B - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ phản ứng nhanh Khách hàng cá nhân - Trung tâm thu hồi nợ KHCN theo ủy quyền số 38b/2024/UQN CTQT ngày 01/06/2024; người được ủy quyền lại: Ông Lê Văn T - Trưởng bộ phận xử lý nợ; ông Đặng Nhật L là cán bộ xử lý nợ V; ông Trần Quốc T là cán bộ xử lý nợ V; theo theo ủy quyền số 9728/2024/UQN - CTQT ngày 11/11/2024; địa chỉ: Số 59 đường Tố Hữu, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Ông L, ông T có mặt.

- *Tổ chức kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ngân hàng TMCP V:* Công ty cổ phần M; đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T - Chức vụ: Tổng Giám đốc; địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà C, số 219 phố T, Phường Y, quận C, thành phố Hà Nội; ông Hoàng Anh T ủy quyền cho ông Phan Huy M; chức

vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ; ông Võ Ngọc Dg - chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ Miền nam theo giấy ủy quyền số: 10/2024/UQ-TGĐ ngày 05/12/2024; ông Phan Huy M ủy quyền lại cho ông ông Phạm Văn H - Cán bộ xử lý nợ, theo giấy ủy quyền số: 10901/2025/UQ-XLN - J ngày 21/01/2024; địa chỉ: Tầng 3, V H, số 17 đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Ông H có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn T; sinh năm 1992 và bà Mai Thị Đ; sinh năm 1995; địa chỉ: Số 137 T, TDP3 M, phường B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Ông T và bà Đ vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ có quan hệ vay vốn tại Ngân hàng TMCP V- Chi nhánh Quảng Bình. Địa chỉ: Số 108 đường T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Tại Hợp đồng cho vay số: LN2311180926708 ký ngày 24/11/2023, số tiền cho vay là 361.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi mốt triệu đồng). Thời hạn cho vay: 120 tháng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tháng), tính từ ngày tiếp theo của ngày bên ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay, mục đích sử dụng vốn vay: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 12%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân (Thời gian cố định). Hết Thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau. Thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (Ngày đầu quý là các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm). Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của V thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên liền sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức. Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 84 tháng được bên ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.V.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 2.5%/năm. Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời

gian chậm trả.

Tại Hợp đồng cho vay hạn mức số: 10122503 ký ngày 30/01/2024 với số tiền cho vay là 4.499.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh gỗ ván ép các loại Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng, tính từ ngày các bên ký Hợp Đồng này. Trong thời hạn này, bên vay có thể vay vốn, trả nợ nhiều lần, nhưng dư nợ tại mọi thời điểm không được vượt quá hạn mức cho vay nêu tại khoản 1 Điều này. Mỗi lần vay vốn, các bên sẽ ký kết một khế ước nhận nợ để ghi nhận thông tin chi tiết về khoản vay từng lần mà bên ngân hàng cấp cho bên vay. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 6.99%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 3 tháng kể từ ngày giải ngân (Thời gian cố định). Hết Thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên. Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của V thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên liền sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng được bên ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.V.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4%/năm. Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Để đảm bảo khoản vay ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ đã thế chấp tài sản bảo đảm là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 14, tại địa chỉ: Tổ dân phố 3 M, phường B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số CN 328814, số vào sổ cấp GCN CS 04063 do Sở Tài Nguyên Và Môi Trường Tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/08/2018.

Theo Hợp đồng thế chấp LN2112214941753/QBN ký ngày 11/01/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 22/11/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 24/11/2023. Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết bằng văn bản, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay. .

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong

Hợp đồng tín dụng.

Quá trình giải quyết vụ án, theo Hợp đồng mua bán nợ số: 17/2024/VPB-J ngày 27/12/2024 và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V với VCông ty cổ phần M thì V đồng ý bán và VCông ty cổ phần M đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ, cụ thể như sau:

Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số LN2311180926708 ngày 24/11/2023 và Hợp đồng cho vay hạn mức số: 10122503 ngày 30/01/2024 nêu trên.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, VCông ty cổ phần M là người kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của V phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, V tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho VCông ty cổ phần M.

Nay để đảm bảo quyền lợi Ngân hàng TMCP Vvà VCông ty cổ phần M yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Vvà VCông ty cổ phần M tổng số tiền tính đến ngày 15/04/2025 số tiền là: 5.370.353.439 đồng (Trong đó, nợ gốc: 4.832.928.000 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả: 537.425.439 đồng), cụ thể:

Buộc ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ phải thanh toán cho VCông ty cổ phần M tổng số tiền là: 4.833.318.095 đồng (Nợ gốc: 4.349.635.200 đồng, nợ lãi trong hạn: 38.305.907 đồng, lãi quá hạn: 425.894.018 đồng, lãi chậm trả: 19.482.970 đồng).

Buộc Ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ phải thanh toán cho V tổng số tiền là: 537.035.344 đồng (Trong đó, nợ gốc: 483.292.800 đồng, Nợ lãi trong hạn 4.256.212 đồng, lãi quá hạn 47.321.558 đồng và lãi chậm trả: 2.164.774 đồng).

Kể từ ngày 16/4/2025 cho đến khi thi hành án xong, T bà Đ còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận ký kết tại các Hợp đồng tín dụng khế ước nhận nợ và văn bản tín dụng của khoản vay đả nêu trên cho đến ngày T và bà Đ thực tế thanh toán hết nợ cho J và V. Lãi phát sinh phải trả cho J và V tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Trường hợp T bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng và VCông ty cổ phần M và có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho J và V, cụ thể:

Toàn bộ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 14, tại địa chỉ:

Tổ dân phố 3 M, phường B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số CN 328814, Số vào sổ cấp GCN CS 04063 do Sở Tài Nguyên Và Môi Trường Tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/08/2018. Theo Hợp đồng thế chấp LN2112214941753/QBN ký ngày 11/01/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 22/11/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 24/11/2023. Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết bằng văn bản, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, V và J có quyền yêu cầu T bà Đ tiếp tục trả số tiền còn lại cho V và J cho đến khi thực tế trả hết các khoản nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra Thông báo thụ lý vụ án và gửi cho bị đơn kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án, ông Trần Văn T không có mặt, không cung cấp lời khai và tài liệu chứng cứ gửi cho Tòa án. ngày 06/3/2025 bà Mai Thị Đ có bản trình bày thừa nhận vợ chồng có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Vchi nhánh Quảng Bình tại các Hợp đồng tín dụng với tổng số tiền như ngân hàng đã trình bày. Hiện nay vợ chồng còn nợ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, như lời khai của Ngân hàng tại Toà án, nhưng hiện nay vì điều kiện khó khăn nên chưa có điều kiện để trả cho ngân hàng và xin Ngân hàng cho vợ chồng ông Tòan bà Đ có lộ trình trả nợ dần.

Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp cho ông Trần Văn T nhưng không tiến hành giao nhận được (có lập biên bản) Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ vẫn có mặt tại địa phương và đang sinh sống tại địa chỉ TDP 3 M, Phường B, Thành Phố Đồng Hới, Quảng Bình. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo luật định.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng bị đơn là ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ không có mặt nên các bên đương sự không tự thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Vvà VCông ty cổ phần M tổng số tiền tính đến ngày 15/04/2025 Tổng là: 5.370.353.439 đồng (Trong đó, Nợ gốc: 4.832.928.000 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả: 537.425.439 đồng), trong đó: Ông Trần Văn T và bà

Mai Thị Đ phải thanh toán cho VCông ty cổ phần M tổng số tiền là: 4.833.318.095 đồng (Nợ gốc: 4.349.635.200 đồng, nợ lãi trong hạn: 38.305.907 đồng, lãi quá hạn: 425.894.018 đồng, lãi chậm trả lãi: 19.482.970 đồng) và thanh toán cho V tổng số tiền là: 537.035.344 đồng (Trong đó, nợ gốc: 483.292.800 đồng, nợ lãi trong hạn 4.256.212 đồng, lãi quá hạn 47.321.558 đồng và lãi chậm trả: 2.164.774 đồng).

Kể từ ngày 16/4/2025 cho đến khi thi hành án xong, T bà Đ còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận ký kết tại các Hợp đồng tín dụng khế ước nhận nợ và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày T và bà Đ thực tế thanh toán hết nợ cho J và V. Lãi phát sinh phải trả cho J và V tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Trường hợp T bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng và VCông ty cổ phần M và có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho J và V, cụ thể như sau:

Toàn bộ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 14, tại địa chỉ: Tổ dân phố 3 M, phường B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số CN 328814, Số vào sổ cấp GCN CS 04063 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/08/2018. Theo Hợp đồng thế chấp LN2112214941753/QBN ký ngày 11/01/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 22/11/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 24/11/2023. Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết bằng văn bản, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, V và J có quyền yêu cầu T bà Đ tiếp tục trả số tiền còn lại cho V và J cho đến khi thực tế trả hết các khoản nợ.

Ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên không có lời trình bày và có ý kiến tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Việc thụ lý vụ án đúng quan hệ tranh chấp được quy định tại Điều 30 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Đồng Hới nơi bị đơn có địa chỉ cư trú theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự còn bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử

Áp dụng các Điều 91, 95, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 116, 117, 119, 385, 398, 401, 466, 688 Bộ luật Dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VCông ty cổ phần M và V buộc ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ phải thanh toán cho VCông ty cổ phần M và V tổng số tiền tính đến ngày 15/04/2025 là: 5.370.353.439 đồng (trong đó, nợ gốc: 4.832.928.000 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả: 537.425.439 đồng).

Trong đó ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ phải thanh toán cho VCông ty cổ phần M tổng số tiền là: 4.833.318.095 đồng (Nợ gốc: 4.349.635.200 đồng, nợ lãi trong hạn: 38.305.907 đồng, lãi quá hạn: 425.894.018 đồng, lãi chậm trả: 19.482.970 đồng) thanh toán cho V tổng số tiền là: 537.035.344 đồng (Trong đó, nợ gốc: 483.292.800 đồng, nợ lãi trong hạn 4.256.212 đồng, lãi quá hạn 47.321.558 đồng và lãi chậm trả: 2.164.774 đồng).

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1].Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tranh chấp phát sinh từ quan hệ Hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu Toà án nơi Hợp đồng được thực hiện giải quyết và nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú của bị đơn là TDP 3 M, Phường B, thành Phố Đồng Hới, Quảng Bình, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Ngân hàng TMCP Vvà ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ là hộ kinh doanh không có giấy phép đăng ký kinh doanh, mục đích vay mượn là phục vụ nhu cầu đời sống. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ phải thanh toán các khoản nợ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình đã thụ lý, giải quyết vụ án Dân sự về tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Đây là tranh chấp Dân sự phát sinh trong việc giao dịch

Dân sự, Hợp đồng dân sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Theo đơn khởi kiện và chứng cứ, tài liệu kèm theo thì V được xác định là nguyên đơn trong vụ án. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án V và VCông ty cổ phần M đã ký kết hợp đồng mua bán nợ và phía VCông ty cổ phần M đã có văn bản trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu chứng cứ yêu cầu được tham gia tố tụng. Căn cứ vào điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự, hướng dẫn tại Điều 7 nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Công ty J được tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn. Do 10% khoản nợ vẫn thuộc quyền sở hữu của V nên V vẫn tiếp tục tham gia là nguyên đơn trong vụ án.

[1.2]. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn đã đến Tòa án làm bản tự khai tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên, đối với bị đơn là ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ không đến Tòa án làm bản tự khai và vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập qua đường bưu điện và tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập đương sự cũng như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn nhưng ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ không đến làm bản tự khai, vẫn cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập. Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi bị đơn cư trú thể hiện hiện nay ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ vẫn có mặt tại địa chỉ TDP 3 M, Phường B, thành Phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Điều đó thể hiện bị đơn cố tình không hợp tác. Ngày 25/03/2025, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227 Bộ Luật tố tụng Dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2025/QĐXXST-DS ngày 11/03/2025 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 15/04/2025, đồng thời tiến hành thủ tục niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng tại TDP 3 M, phường B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình và trụ sở UBND phường nơi bị đơn cư trú và làm việc. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 15/04/2025 bị đơn vẫn vắng mặt. Toà án đã tiến hành niêm yết tất cả các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và cũng không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án và tiến hành niêm yết tại địa chỉ cư trú và làm việc của bị đơn và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ngân hàng TMCP Vký Hợp đồng tín dụng với ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ đúng với chức năng hoạt động của Ngân hàng quy định tại Điều 98 Luật tổ chức tín dụng và quyết định số: 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về ban hành Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Các bên ký kết Hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, không khiếu nại nội dung trong các Hợp đồng. Vì vậy, các Hợp đồng tín dụng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thi hành.

[2.2]. Căn cứ Hợp đồng cho vay số: LN2311180926708 ký ngày 24/11/2023, số tiền cho vay là 361.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi mốt triệu đồng) và Hợp đồng cho vay số: 10122503 ký ngày 30/01/2024 với số tiền cho vay là 4.499.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu đồng).

Các Hợp đồng được ký kết giữa ngân hàng và ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ với các điều khoản thỏa thuận phù hợp với các Điều 91, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng và Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Các khoản vay này được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp là Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 14, tại địa chỉ: Tổ dân phố 3 M, phường B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số CN 328814, Số vào sổ cấp GCN CS 04063 Do Sở Tài Nguyên Và Môi Trường Tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/08/2018. Theo Hợp đồng thế chấp LN2112214941753/QBN ký ngày 11/01/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 22/11/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 24/11/2023. Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết bằng văn bản, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay. Các Hợp đồng bảo đã ký ở trên phù hợp với các Điều 335, 336 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3]. Theo các chứng từ do Ngân hàng TMCP Vvà VCông ty cổ phần M cung cấp, thì ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ còn nợ Ngân hàng TMCP Vvà VCông ty cổ phần M với tổng số tiền tính đến ngày 15/04/2025 là: 5.370.353.439 đồng (Trong đó, Nợ gốc: 4.832.928.000 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả lãi: 537.425.439 đồng). Trong đó ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ phải thanh toán cho VCông ty cổ phần M tổng số tiền là: 4.833.318.095 đồng (Nợ gốc: 4.349.635.200 đồng, nợ lãi trong hạn: 38.305.907 đồng, lãi quá hạn: 425.894.018 đồng, lãi chậm trả: 19.482.970 đồng) thanh toán cho V tổng số tiền là: 537.035.344 đồng (Trong đó, nợ gốc: 483.292.800 đồng, Nợ lãi trong hạn 4.256.212 đồng, lãi quá hạn 47.321.558 đồng và lãi chậm trả: 2.164.774 đồng).

Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Vvà VCông ty cổ phần M là có căn cứ cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Vvà VCông ty cổ phần M, buộc ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP Vvà VCông ty cổ phần M. Cụ thể Trần Văn T và bà Mai Thị Đ phải thanh toán cho VCông ty cổ phần M tổng số tiền là: 4.833.318.095 đồng (Nợ gốc: 4.349.635.200 đồng, nợ lãi trong hạn: 38.305.907 đồng, lãi quá hạn: 425.894.018 đồng, lãi chậm trả: 19.482.970 đồng) thanh toán cho V tổng số tiền là: 537.035.344 đồng (Trong đó, nợ gốc: 483.292.800 đồng, nợ lãi trong hạn 4.256.212 đồng, lãi quá hạn 47.321.558 đồng và lãi chậm trả: 2.164.774 đồng).

Kể từ ngày 16/4/2025 ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ phải tiếp tục thanh toán phần lãi phát sinh trên số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thoả thuận trong tại Hợp đồng cho vay số: LN2311180926708 ký ngày 24/11/2023, và Hợp đồng cho vay hạn mức số: 10122503 ký ngày 30/01/2024 được ký giữa Ngân hàng TMCP Vvới ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ đã ký kết cho đến ngày ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP Vvà VCông ty cổ phần M tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Trong trường hợp ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và VCông ty cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án tài sản mà ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ đã thế chấp để thu hồi các khoản nợ vay theo quy định của pháp luật.

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 14, tại địa chỉ: Tổ dân phố 3 M, phường B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số CN 328814, Số vào sổ cấp GCN CS 04063 Do Sở Tài Nguyên Và Môi Trường Tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/08/2018. Theo Hợp đồng thế chấp LN2112214941753/QBN ký ngày 11/01/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 22/11/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 24/11/2023. Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết bằng văn bản, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Để thu hồi các khoản nợ vay theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí Dân sự sơ thẩm sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Nguyên đơn không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định:

Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Vvà VCông ty cổ phần M được chấp nhận, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án buộc bị đơn ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, và phải thanh toán trả cho VCông ty cổ phần M số tiền mà VCông ty cổ phần M đã nộp là 4.400.000 đồng.

[5]. Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 7 nghị quyết 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

Áp dụng các Điều 116, 117, 119, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95, 98, 100 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Vvà chấp nhận yêu cầu của người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là VCông ty cổ phần M.

Buộc ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Vvà VCông ty cổ phần M: Tại các Hợp đồng cho vay số: LN2311180926708 ký ngày 24/11/2023 và Hợp đồng cho vay số: 10122503 ký ngày 30/01/2024; Hợp đồng mua bán nợ số: 17/2024/VPB-J ngày 27/12/2024 và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V với VCông ty cổ phần M: Với tổng số tiền tính đến ngày 15/04/2025 số tiền là: 5.370.353.439 đồng (Trong đó, nợ gốc: 4.832.928.000 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả: 537.425.439 đồng), cụ thể:

Buộc ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ phải thanh toán 90% khoản nợ cho VCông ty cổ phần M tổng số tiền là: 4.833.318.095 đồng (Nợ gốc: 4.349.635.200 đồng, nợ lãi trong hạn: 38.305.907 đồng, lãi quá hạn: 425.894.018 đồng, lãi chậm trả: 19.482.970 đồng).

Buộc ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ phải thanh toán 10% cho V tổng số

tiền là: 537.035.344 đồng (Trong đó, nợ gốc: 483.292.800 đồng, nợ lãi trong hạn 4.256.212 đồng, lãi quá hạn 47.321.558 đồng và lãi chậm trả: 2.164.774 đồng).

Kể từ ngày 16/4/2025 ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ phải tiếp tục thanh toán phần lãi phát sinh trên số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thoả thuận trong tại Hợp đồng cho vay số: LN2311180926708 ký ngày 24/11/2023, và Hợp đồng cho vay hạn mức số: 10122503 ký ngày 30/01/2024 được ký giữa Ngân hàng TMCP Vvới ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ đã ký kết cho đến ngày ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP Vvà VCông ty cổ phần M tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Trường hợp T bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng và VCông ty cổ phần M và có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho J và V, cụ thể:

Toàn bộ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 14, tại địa chỉ: Tổ dân phố 3 M, phường B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số CN 328814, Số vào sổ cấp GCN CS 04063 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/08/2018. Theo Hợp đồng thế chấp LN2112214941753/QBN ký ngày 11/01/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 22/11/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 24/11/2023. Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết bằng văn bản, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, V và J có quyền yêu cầu T bà Đ tiếp tục trả số tiền còn lại cho V và J cho đến khi thực tế trả hết các khoản nợ.

4. Về chi phí xem xét thẩm định:

Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Vvà VCông ty cổ phần M được chấp nhận, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án buộc bị đơn ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, và phải thanh toán trả cho VCông ty cổ phần M số tiền mà VCông ty cổ phần M đã nộp là 4.400.000 đồng.

5. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Văn T và bà Mai Thị Đ phải chịu nộp số tiền là 120.333.181 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Vkhông phải chịu. Hoàn trả lại cho Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Vsố tiền 56.485.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Toà án ký hiệu BLTU/23 số 0001540 ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn, Người kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

(đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Lệ